

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2017.

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trọng Nhân.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Bình Thành;

2/ Bà Trần Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 58/2017/TLST-HN ngày 23/6/2017 về “tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 20/7/2017, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc S, sinh năm: 1977 (*Có mặt*).

Trú tại: ấp Chiến Thắng, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm: 1977 (*Vắng mặt*).

Trú tại: ấp Rạch Bù, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn, bà Nguyễn Ngọc S trình bày: Năm 2005, bà và ông C tìm hiểu, quen nhau và về sống chung với nhau, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2007 tại UBND thị trấn Vĩnh Hưng. Vợ chồng về sống với gia đình mẹ ruột của bà ở ấp Chiến Thắng, thị trấn Vĩnh Hưng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm, ông C không lo làm ăn phụ giúp gia đình, hay nhậu và quậy phá, khi con chung Hoàng N bị bệnh ông C cũng không quan tâm, chăm sóc. Mâu thuẫn trên ngày

càng nghiêm trọng, đến cuối năm 2016 bà và ông C sống ly thân nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông Trần Văn C.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà và ông C có 01 con chung tên Trần Hoàng N, sinh ngày 30/9/2008, hiện nay đang sống với bà. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản: Bà và ông C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông C không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa, tại phiên hòa giải ngày 05/7/2017 trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà S về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, ông cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà S không quan tâm chăm sóc con, con bị đau ốm nhưng bà S vẫn thường hay đi chơi nên ông và bà S xảy ra cự cãi và mâu thuẫn. Ông và bà S sống ly thân đã hơn một năm nay.

Nay trước yêu cầu của bà S ông không đồng ý ly hôn với bà S vì ông vẫn còn thương vợ và thương con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà S có 01 con chung tên Trần Hoàng N, sinh ngày 30/9/2008. Trường hợp ly hôn ông đồng ý giao cháu N cho bà S nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản: Ông và bà S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông và bà S không có nợ chung.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Nhìn chung, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, thời gian thụ lý vụ án còn chậm so với quy định. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc So, chấp nhận đề nguyên đơn bà So tiếp tục giữ nuôi con chung và buộc bị đơn ông Cẩm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vụ kiện đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ hai lần giấy báo phiên tòa nhưng ông Trần Văn C vẫn không đến phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 25/5/2017, bà S có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng chấp nhận cho

đương sự được ly hôn với ông Trần Văn C. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do ông C cư trú tại huyện Vĩnh Hưng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn bà S yêu cầu được ly hôn với ông C vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa bà và ông C không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, hôn nhân giữa bà S và ông C có đăng ký kết hôn, được UBND thị trấn Vĩnh Hưng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2007 đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn bà S yêu cầu được ly hôn với ông C. Ngược lại, ông Trần Văn C không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con. Xét, Tòa án đã từng đạt hợp lệ cho ông C hai lần giấy báo phiên tòa theo đúng thủ tục luật định nhưng ông C vẫn không đến Tòa án là không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc S là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Bà S và ông C có 01 con chung tên Trần Hoàng Nam (nam), sinh ngày 30/9/2008, hiện đang theo sống với bà S. Tại các phiên hòa giải, bà S và ông C thỏa thuận thống nhất để bà S tiếp tục giữ nuôi con chung và ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Xét, sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử xét công nhận.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà S và ông C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn bà S và ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[7] Án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Ông C phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc S được ly hôn với ông Trần Văn C.

[2] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Ngọc S được tiếp tục giữ nuôi con chung tên Trần Hoàng N, sinh ngày 30/9/2008. Ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc S phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004509 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, bà S đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Văn C phải nộp 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

📌 Nơi nhận:

- TAND Tỉnh.
- VKSND Huyện.
- CCTHA DS Huyện.
- Các đương sự.
- UBND xã, thị trấn nơi đăng ký kết hôn
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân